

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP KHÓA 44

Đợt xét: đợt 10 (tháng 5/2025)

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Lớp Quản lý	Số TC TL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
1	443443	Lưu Kim Khánh	06/11/2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4401	138	7,4	2,93	Khá	Ngành Luật	
2	440549	Nguyễn Thị Khoa	13/01/2001	Hải Dương	Nữ	Kinh	Việt Nam	4405	129	7,46	2,97	Khá	Ngành Luật	
3	440665	Nguyễn Đức Mạnh	18/10/2000	Lạng sơn	Nam	Tày	Việt Nam	4406	128	7,06	2,71	Khá	Ngành Luật	
4	440829	Nguyễn Thị Huyền Trang	18/03/2001	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	4408	129	7,82	3,16	Khá	Ngành Luật	
5	440929	Lương Xuân Bảo	17/01/2001	Nam Định	Nam	Kinh	Việt Nam	4409	136	7,08	2,72	Khá	Ngành Luật	
6	440966	Nguyễn Mạnh Cường	26/11/2000	Lạng Sơn	Nam	Tày	Việt Nam	4409	133	7,05	2,73	Khá	Ngành Luật	
7	441161	Phạm Thái Tuấn	26/06/2001	Vĩnh Phúc	Nam	Kinh	Việt Nam	4411	127	7,37	2,95	Khá	Ngành Luật	
8	441245	Lê Ngọc Duyên	13/10/2001	Phú Thọ	Nữ	Kinh	Việt Nam	4412	127	7,36	2,92	Khá	Ngành Luật	
9	441445	Nguyễn Phạm Thiên Anh	12/06/2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4414	129	7,72	3,08	Khá	Ngành Luật	
10	441641	Vũ Ngọc Anh	11/09/2001	Tuyên Quang	Nam	Kinh	Việt Nam	4416	132	7,18	2,78	Khá	Ngành Luật	
11	441645	Triệu Thị Thu Hà	02/04/2001	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	Việt Nam	4416	128	7,12	2,79	Khá	Ngành Luật	
12	441647	Trần Châu Loan	14/11/2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4416	129	7,17	2,75	Khá	Ngành Luật	
13	441736	Đào Tuấn Hải	18/08/2001	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4417	136	7,42	2,95	Khá	Ngành Luật	

TT	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Lớp Quản lý	Số TC TL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ngành tốt nghiệp	Ghi chú
14	441714	Trần Đức Mạnh	25/11/2001	Bắc giang	Nam	Kinh	Việt Nam	4417	132	7,37	2,91	Khá	Ngành Luật	
15	441813	Nông Quang Hiếu	16/06/2001	Hà giang	Nam	Tày	Việt Nam	4418	129	7,53	3,02	Khá	Ngành Luật	
16	441864	Lục Văn Lộc	18/02/2001	Yên Bái	Nam	Giáy	Việt Nam	4418	131	7,6	3,05	Khá	Ngành Luật	
17	441841	Lê Huyền Thanh	25/01/2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4418	136	8,28	3,49	Khá	Ngành Luật	Hạ bậc TN
18	441960	Giàng A Chung	12/11/2000	Điện Biên	Nam	Mông	Việt Nam	4419	129	6,76	2,53	Khá	Ngành Luật	
19	441920	Lê Mai Hương	05/11/2001	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	4419	129	7,53	3,02	Khá	Ngành Luật	
20	442022	Trần Thị Huyền Trang	28/04/2001	Thanh Hoá	Nữ	Kinh	Việt Nam	4420	130	7,27	2,86	Khá	Ngành Luật	
21	442340	Trịnh Huy Hoàng	26/03/2001	Thanh Hoá	Nam	Kinh	Việt Nam	4423	128	7,69	3,11	Khá	Ngành Luật kinh tế	
22	442911	Nguyễn Trí Mạnh	18/07/2001	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4429	130	7,33	2,88	Khá	Ngành ngôn ngữ Anh	
23	443005	Hà Tùng Dương	14/04/2001	Lai Châu	Nam	Kinh	Việt Nam	4430	180	7,28	2,83	Khá	Ngành ngôn ngữ Anh	
24	443040	Phạm Hà Giang	27/09/2001	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	4430	191	7,76	3,16	Khá	Ngành ngôn ngữ Anh	
25	443027	Đặng Trung Kiên	18/09/2001	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4430	129	7,72	3,1	Khá	Ngành ngôn ngữ Anh	
26	443029	Phạm Lê Minh	13/11/2001	Thanh hóa	Nam	Kinh	Việt Nam	4430	130	7,28	2,85	Khá	Ngành ngôn ngữ Anh	
27	443008	Trần Vũ Thạch Thảo	16/10/2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4430	129	7,5	2,95	Khá	Ngành ngôn ngữ Anh	
28	443046	Đỗ Thị ánh Tuyết	14/08/2001	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	4430	130	7,62	3,07	Khá	Ngành ngôn ngữ Anh	
29	440955	Nguyễn Sương Mai	14/02/2001	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4431	127	7,99	3,26	Giỏi	Ngành Luật chất lượng cao	

[illegible]

